

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 15 – 5 – 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Hạnh.

+ Ông Nguyễn Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên và điểm cầu thành phần Trụ sở Nhà tạm giữ Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Trà Văn N; Tên gọi khác: Mặn; sinh ngày 06/7/1995 tại huyện P, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 052095016425, ngày cấp: 18/5/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH – Bộ C2. Con ông Trà Văn L, sinh năm 1970 và bà Trần Thị C, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 07/5/2014, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Định xử phạt hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi đánh nhau và cố ý làm hư hỏng tài sản (chấp hành xong ngày 15/5/2014).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trụ sở Nhà tạm giữ Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Bị hại:

1. Anh Võ Lê T, sinh năm 2000. Địa chỉ: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2. Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 2005. Địa chỉ: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

3. Lê Thị Ngọc S, sinh ngày 13/7/2009. Địa chỉ: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu S: chị Lê Thị Sùng . Địa chỉ: thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

4. Chị Phan Thị Mỹ N1, sinh năm 1988. Địa chỉ: A L, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tất cả bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1998. Nơi cư trú: tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1969. Nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người làm chứng:** Anh Ngô Tấn L1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 29/11/2023, Trà Văn N đi xe ô tô khách từ thành phố Q, tỉnh Bình Định đến thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để làm biển thuê nhưng N không có tiền nên chủ xe khách không chở và để N xuống xe dọc đường tại khu vực xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Đến khoảng 02 giờ ngày 30/11/2023, N đi vào khu dân cư thôn B, xã X để trộm cắp tài sản, khi đến trước nhà của anh Võ Lê T thì N quan sát thấy cửa không khóa nên N đi vào trong nhà lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng của anh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen của chị Nguyễn Thị Minh T1 và số tiền 85.000 đồng của em Lê Thị Ngọc S. Sau đó, N ra ngoài thì

thấy nhà của chị Phan Thị Mỹ N1 ở gần đó không khóa cửa nên N tiếp tục vào nhà lén lút lấy trộm số tiền 1.010.000 đồng của chị N1.

Đến khoảng 06 giờ ngày 30/11/2023, N đón xe ô tô khách đi từ xã X, thị xã S đến thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, N tiêu xài số tiền 100.000 đồng trộm cắp được rồi N đến cửa hàng điện thoại “Tuấn A” tại phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để nhờ anh Lê Tuấn A (là chủ cửa hàng) mở khóa mật khẩu của điện thoại di động Iphone 11 Promax trộm cắp được của anh T để sử dụng. Sau đó N bán điện thoại di động Samsung Galaxy A21s trộm cắp của chị T1 cho một người đàn ông lái xe ôm (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 400.000 đồng rồi quay lại cửa hàng điện thoại “Tuấn A” để chờ lấy điện thoại Iphone 11 Promax đã gửi mở khóa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Võ Lê T cùng Ngô Tấn L1 (là bạn anh T) tìm kiếm, phát hiện Trà Văn N và kiểm tra trong túi quần bên trái của N có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus bị trộm cắp nên đã báo cáo Công an phường N, thị xã N yêu cầu N về trụ sở Công an phường N làm việc, đồng thời Ngô Tấn L1 lấy lại 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax từ anh Lê Tuấn A và giao nộp cho Công an phường N. Qua làm việc với Cơ quan Công an, Trà Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.395.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐG ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S kết luận: Tại thời điểm ngày 30/11/2023, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng trị giá 9.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen trị giá 2.000.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S kết luận: Tại thời điểm ngày 30/11/2023, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen trị giá 1.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSSC ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Trà Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trà Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 14/CT-VKSSC ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trà Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trà Văn N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2023).

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Về dân sự: bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: đã trả xong cho các bị hại và đại diện theo uỷ quyền của bị cáo nên không xem xét.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với anh Lê Tuấn A có nhận mở khóa mật khẩu điện thoại di động Iphone 11Promax cho Trà Văn N nhưng anh Lê Tuấn A không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông chạy xe ôm mua lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen do Trà Văn N trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh, xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, VKSND thị xã Sông Cầu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Riêng cháu Lê Thị

Ngọc S và người đại diện theo pháp luật chị Lê Thị S1 có đơn trình bày không yêu cầu cử trợ giúp pháp lý nên HĐXX căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Trà Văn N tại Cơ quan điều tra, tại biên bản hỏi cung bị can của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với biên bản làm việc ngày 30/11/2023 của Công an phường N, thị xã N (BL 21), kết luận định giá tài sản (BL 64, BL70) và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ ngày 30/11/2023, tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, Trà Văn N có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng trị giá 9.000.000 đồng của anh Võ Lê T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen trị giá 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen trị giá 1.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Minh T1; số tiền 85.000 đồng của em Lê Thị Ngọc S và số tiền 1.010.000 đồng của chị Phan Thị Mỹ N1. Tổng giá trị tài sản Trà Văn N chiếm đoạt của người khác là 13.595.000 đồng.

Do đó, nội dung Cáo trạng số 14/CT-VKSSC ngày 26/3/2024 của VKSND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm, nhân thân người phạm tội: Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Công an huyện P, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2014 về hành vi đánh nhau và cố ý làm hư hỏng tài sản. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được các bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có ông ngoại (Trần N2), bà ngoại (Nguyễn Thị Q) và cậu ruột (Trần Văn N3) là người có công cách mạng

(BL 119 – BL 124) là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S đã trả lại cho các bị hại và đại diện theo uỷ quyền của bị cáo theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với anh Lê Tuấn A có nhận mở khóa mật khẩu điện thoại di động Iphone 11Promax cho Trà Văn N nhưng anh Lê Tuấn A không biết tài sản do trộm cắp mà có, không có cơ sở xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với người đàn ông chạy xe ôm mua lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen do Trà Văn N trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S không xác định được nhân thân, lai lịch, không có cơ sở để xác minh, xử lý nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: bị cáo Trà Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Xử phạt: bị cáo Trà Văn N 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/11/2023).

4. Về án phí: buộc bị cáo Trà Văn N phải chịu **200.000 đồng** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- CQCSĐT-Công an thị xã Sông Cầu;
- CQTHAHS-Công an thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà